

Số: 2583/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2190/TTr-SNNPTNT ngày 22 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021-2025 chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh để chỉ đạo, xử lý.

2. Các Sở, ban, ngành liên quan phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh hướng dẫn thực hiện các tiêu chí do sở, ban, ngành phụ trách; chỉ đạo, hỗ trợ lồng ghép nguồn lực cho các địa phương thực hiện các tiêu chí.

3. Chủ tịch UBND các huyện A Lưới, Nam Đông, Phú Lộc và thị xã Hương Trà chỉ đạo các xã lựa chọn thôn, bản để thực hiện; xây dựng kế hoạch thực hiện, giám sát, kiểm tra, đôn đốc và quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới đảm bảo kế hoạch chung của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN&PTNT;
- VP Điều phối nông thôn mới TW;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồng Hải Minh



Phụ lục I
BỘ TIÊU CHÍ THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI THUỘC
CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN KHU VỰC III, THÔN ĐẶC BIỆT
KHÓ KHĂN VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số **2583/QĐ-UBND** ngày **25** tháng 10 năm 2022
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Ghi chú
I	Nhóm tiêu chí về tổ chức cộng đồng			
1	Ban Phát triển thôn, bản	Có Ban Phát triển thôn, bản được thành lập, kiện toàn hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND xã công nhận.	Đạt	
2	Quy ước, hương ước	Có quy ước, hương ước thôn, bản được đại đa số (khoảng 95%) người dân thông qua và cam kết thực hiện	Đạt	
3	Kế hoạch thực hiện	Có kế hoạch thực hiện xây dựng thôn, bản nông thôn mới hàng năm, giai đoạn 2021-2025 được UBND xã xác nhận. Kế hoạch được lập theo phương pháp có sự tham gia của cộng đồng	Đạt	
II	Nhóm tiêu chí thực hiện các hoạt động phát triển thôn, bản			
4	Kinh tế hộ	4.1. Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm) trên địa bàn thôn bản $\geq 70\%$ so với mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh tại năm xét công nhận	2022: $\geq 27,3$ 2023: $\geq 29,4$ 2024: $\geq 31,5$ 2025: $\geq 33,6$	
		4.2. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn thôn, bản giai đoạn 2021-2025	$< 13\%$	
		4.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 70\%$	
		4.4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 20\%$	

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Ghi chú
5	Mô hình/dự án sản xuất, kinh doanh	Trên địa bàn thôn có ít nhất 01 mô hình/dự án sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực (<i>trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, ngành nghề...</i>), có hiệu quả theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ngành nghề nông thôn, trồng cây dược liệu, rừng gỗ lớn hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Đạt	
6	Môi trường và cảnh quan nông thôn	6.1. Có cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, không có các hoạt động suy giảm môi trường, giữ gìn được bản sắc văn hóa tốt đẹp	Đạt	
		6.2. Chất thải rắn được thu gom, vận chuyển, xử lý bằng các biện pháp phù hợp, điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt	
		6.3. Có mương thoát nước mưa, nước thải của khu, điểm dân cư đảm bảo không tù đọng, không gây ô nhiễm môi trường	Đạt	
		6.4. 100% hộ gia đình trên địa bàn thôn, bản ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường, không vứt bừa bãi xác động vật chết ra đường	Đạt	
		6.5. Định kỳ tối thiểu 01 lần/tháng có tổ chức làm vệ sinh chung toàn thôn, bản hoặc tại các khu, điểm dân cư tập trung	Đạt	
		6.6. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch	$\geq 95\%$ (trong đó 80% nước sạch)	
		6.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$	

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Ghi chú
		6.8. Mai táng theo quy hoạch và phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán của địa phương, phù hợp với truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh.	Đạt	
7	Văn hóa	7.1. Có nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản đạt chuẩn theo quy định.	Đạt	
		7.2. Thôn, bản được công nhận danh hiệu "Thôn văn hóa".	Đạt	
8	Thông tin - Truyền thông	8.1. Có hệ thống loa được kết nối với Đài truyền thanh xã hoạt động tốt, thường xuyên, định kỳ cung cấp, tuyên truyền thông tin đến người dân trong thôn, bản.	Đạt	
		8.2. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn thôn, bản có phương tiện nghe - xem để tiếp cận thông tin (tivi hoặc máy radio có khả năng phát, thu nghe các chương trình phát sóng, phát thanh).	$\geq 90\%$	
9	Nhà ở	9.1. Không có nhà tạm, nhà dột nát	$\leq 3\%$	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt theo chuẩn quy định	$\geq 75\%$	
10	Giáo dục	10.1. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 (ngoại trừ trẻ khuyết tật không thể đến trường), học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào trung học cơ sở	$\geq 98\%$	
		10.2. Có ít nhất 95% số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 2.	Đạt	
11	Y tế	11.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	100%	

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Ghi chú
		11.2. Có ít nhất 01 nhân viên y tế thôn, bản được đào tạo theo chương trình do Bộ Y tế quy định	Đạt	
		11.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi trên địa bàn thôn, bản bị suy dinh dưỡng thể thấp còi.	$\leq 24\%$	
12	Hệ thống chính trị	12.1. Có đủ các tổ chức chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	
		12.2. Chi bộ đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”	Đạt	
		12.3. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên	Đạt	
		12.4. Chi bộ có nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản nông thôn mới	Đạt	
		12.5. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở	Đạt	
13	Quốc phòng An ninh	13.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	
		13.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái luật; không để xảy ra tội phạm từ nghiêm trọng trở lên; không có điểm nóng về an ninh trật tự và tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội;	Đạt	
		13.3. Thôn, bản được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	Đạt	
14	Cơ sở hạ tầng thiết	14.1. Đường trục thôn, bản: $\geq 85\%$ được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm ($\geq 60\%$ nhựa hoặc bê tông hóa)	Đạt	

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Ghi chú
	yếu trên địa bàn thôn, bản	14.2. Đường ngõ, xóm: $\geq 85\%$ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Đạt	
14.3. Hệ thống điện trên địa bàn thôn, bản đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành điện.		Đạt		
14.4 Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn		Đạt		
14.5. Các công trình thủy lợi trên địa bàn thôn, bản bảo đảm $\geq 80\%$ diện tích chủ động nước tưới, tiêu đối với các cây trồng chủ lực ở các vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch.		Đạt		



Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN KHU VỰC III VÀ
THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
VÀ MIỀN NÚI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số **2583/QĐ-UBND** ngày **25** tháng 10 năm 2022
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Huyện	Xã	Số thôn của xã
I	Các xã đặc biệt khó khăn khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021		
1	Huyện A Lưới (12 xã, 57 thôn)	Hương Nguyên	4
		Hồng Hạ	3
		A Roàng	6
		Lâm Đốt	8
		Đông Sơn	3
		Hồng Thái	4
		Quảng Nhâm	8
		Hồng Bắc	4
		Hồng Kim	4
		Trung Sơn	5
		Hồng Vân	5
		Hồng Thủy	3
2	Nam Đông (02 xã -9 thôn)	Thượng Long	6
		Hương Hữu	3
II	Các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc		
1	Huyện A Lưới	Hồng Thượng	Thôn A Xáp, thôn A Đên
2	Thị xã Hương Trà	Bình Thành	Thôn Bồ Hòn
		Bình Tiến	Thôn 5
3	Huyện Phú Lộc	Xuân Lộc	Bản Phúc Lộc
	Tổng cộng		71